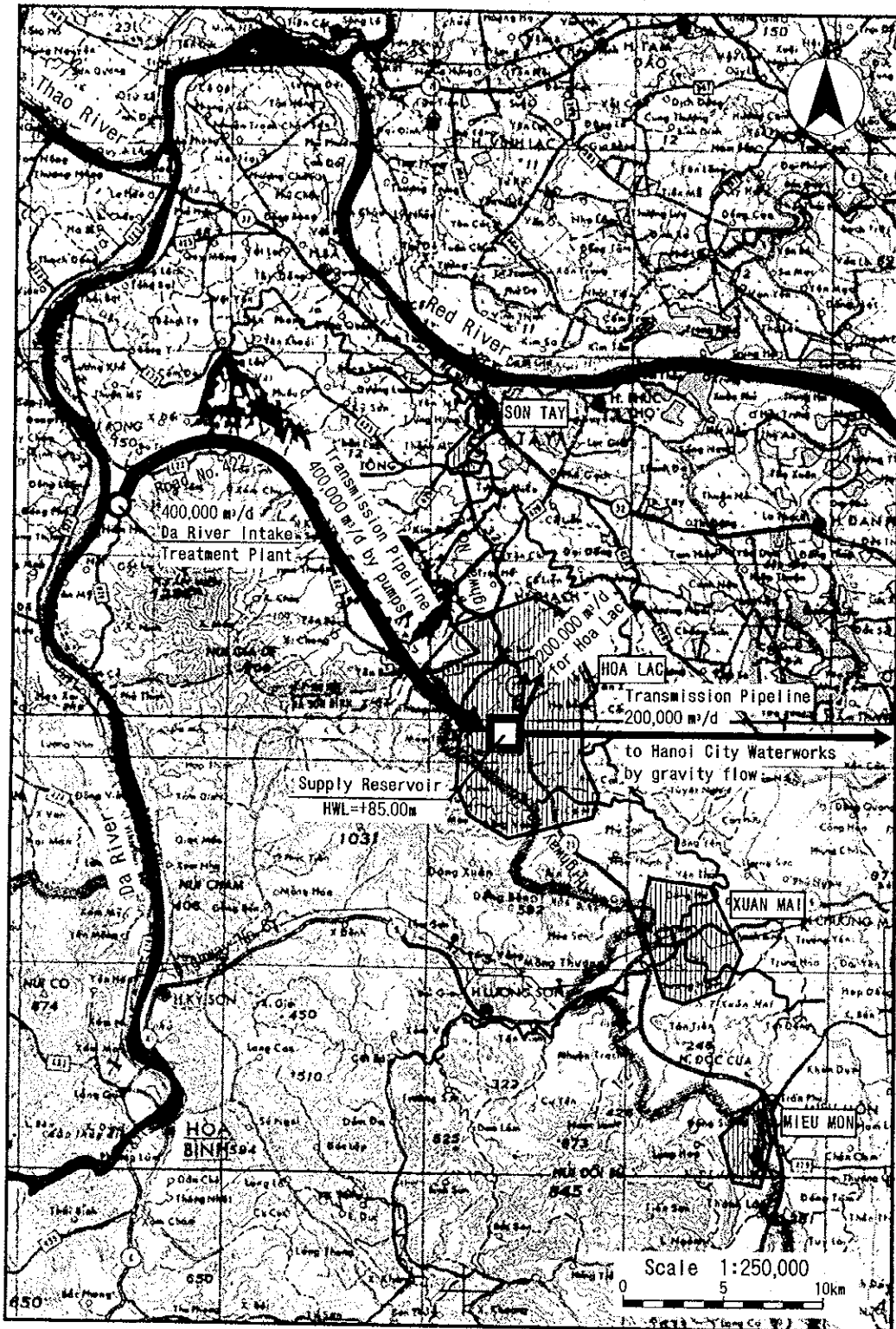


Hình 6.3.3 Các phương án lấy nước sông Đà

Bảng 6.3.3 So sánh các phương án

Item	Alternative		
	Alternative A Bat Bat Intake	Alternative B Da Chong Intake	Alternative C Ky Son Intake
Water Source	Surface water of Da River		
Water Flow	Abundant enough more than 1,260 m <sup>3</sup> /sec		
Water Quality	Good for water source		
Treatment Method	Rapid sand filtration system		
Site for Intake and Treatment Plant	Bat Bat	Da Chong	Ky Son
Proposed Route of Transmission of	Road No. 423 and National Road 21	Road No. 422	National Road 6 and national Road
Distance of Transmission Pipeline	L=47,060 m (139 %)	L=36,280 m (100 %)	L=48,020 m (132 %)
Topographical Particulars on the Pipeline Route	Almost flat (+30 m to 15 m)	Must pass a crest point of +80 m, which requires construction of a surge tank	Must pass high elevation lase of +140 m, which requires excess power energy
Power Required for Water Transmission to	4,370 kW (111%)	3,920 kW (100 %)	5,100 kW (130 %)
Construction Cost	125 (%)	100 (%)	130 (%)
Operation Power Cost	110 (%)	100 (%)	125 (%)
Recommendation	Second (No.2)	First (No.1) Recommendation	Third (No.3)

Source: JICA Study Team



Hình 6.3.4 Hệ thống kết hợp với các công trình nước của Hà nội dự kiến

### 6.3.7 Hồ chứa nước

Nước qua xử lý chuyển từ nhà máy xử lý nước qua đường ống dẫn nước tới khu vực dự án sẽ được dự trữ trong một bể chứa nước. Bể chứa nước sẽ được xây dựng trên một quả đồi gần trung tâm khu vực dự án. Theo quy hoạch, nước sẽ được cung cấp cho người tiêu dùng từ bể chứa theo dòng chảy trọng lượng. Muốn vậy, mực nước trong bể chứa phải cao hơn khu vực được cấp nước khoảng 50 - 60 m. Bởi khu vực dự án cao hơn mực nước biển từ +15m đến +20m, mực nước cần thiết trong bể chứa là +80m - +85m. Bằng cách giữ mực nước trong bể chứa như trên, có thể cung cấp nước bằng trọng lực tới những khu cách đó 10 - 15 km, tới cả những khu từ đầu phía bắc của Khu Công nghệ cao đầu phía nam của Khu Công nghiệp Phú Cát.

### 6.3.8 Đường ống dẫn nước

Nước dự trữ trong bể sẽ được sử dụng cung cấp cho người tiêu dùng bằng đường ống dẫn nước gồm có đường ống chính, đường ống phụ và đường ống thứ ba, và cuối cùng là đường ống dịch vụ. Tất cả những người tiêu dùng đều có đường ống nối riêng có lắp đồng hồ đo nước để thuận tiện cho việc tính tiền thanh toán, không lắp đường ống phụ công cộng không có đồng hồ đo nước.

Tất cả các đường ống, trừ đường ống nối của các hộ gia đình, sẽ được lắp đặt dưới đường giao thông công cộng với độ sâu trung bình 1,2 m.

### 6.3.9 Tiêu chí quy hoạch

Cần áp dụng những tiêu chí sau trong quy hoạch hệ thống cấp nước cho thành phố mới. Về cơ bản các tiêu chí này tuân theo những tiêu chí thiết kế các công trình cấp nước của thành phố Hà Nội vì thành phố mới Hoà Lạc được coi như một thành phố vệ tinh của thành phố Hà Nội có số dân rất đông.

#### (1) Công suất lấy nước chưa qua xử lý

Tính đến những mất mát trong quá trình xử lý, nghĩa là nước xoáy ngược để lọc, thoát từ bể trầm tích và những thứ khác sử dụng tại nhà máy xử lý nước, công suất lấy nước chưa qua xử lý đặt ra là 10% lượng nước xử lý.

#### (2) Lượng nước chứa trong bể

Lượng nước chứa trong bể sẽ là 20% công suất tối đa hàng ngày (tương đương với 4,8 giờ).

## **Phát triển Hành lang 21**

### **(3) Hệ số ngày cao nhất**

Hệ số ngày cao nhất được áp dụng cho các cơ sở thuộc các loại quy mô của một nhà máy xử lý và lấy nước chưa qua xử lý là 1,35 (135%).

### **(4) Hệ số giờ cao nhất**

Hệ số giờ cao nhất áp dụng để xác định bán kính đường ống dẫn nước là 1,40 (140%) nhu cầu của ngày cao nhất.

Ghi chú 1: Cấp nước cho khu công nghiệp được quy hoạch trên cơ sở cấp nước liên tục 24/24 giờ, và những hệ số cao nhất là:

Hệ số ngày cao nhất: 1,10 (110%)

Hệ số giờ cao nhất: 1,00 (100%)

Ghi chú 2: Trong trường hợp các nhà máy trong khu công nghiệp cần có cơ sở dự trữ, có thể xây dựng bể chứa nước dự trữ cho mỗi nhà máy trong khuôn viên nhà máy bằng chi phí của nhà máy để lấy nước công cộng 24/24 giờ với mức không thay đổi.

### **(5) Áp lực nước**

Áp lực nước trong đường ống dẫn là 15 m (1,5 kg/cm<sup>2</sup>).

### **(6) Nước không tính đến**

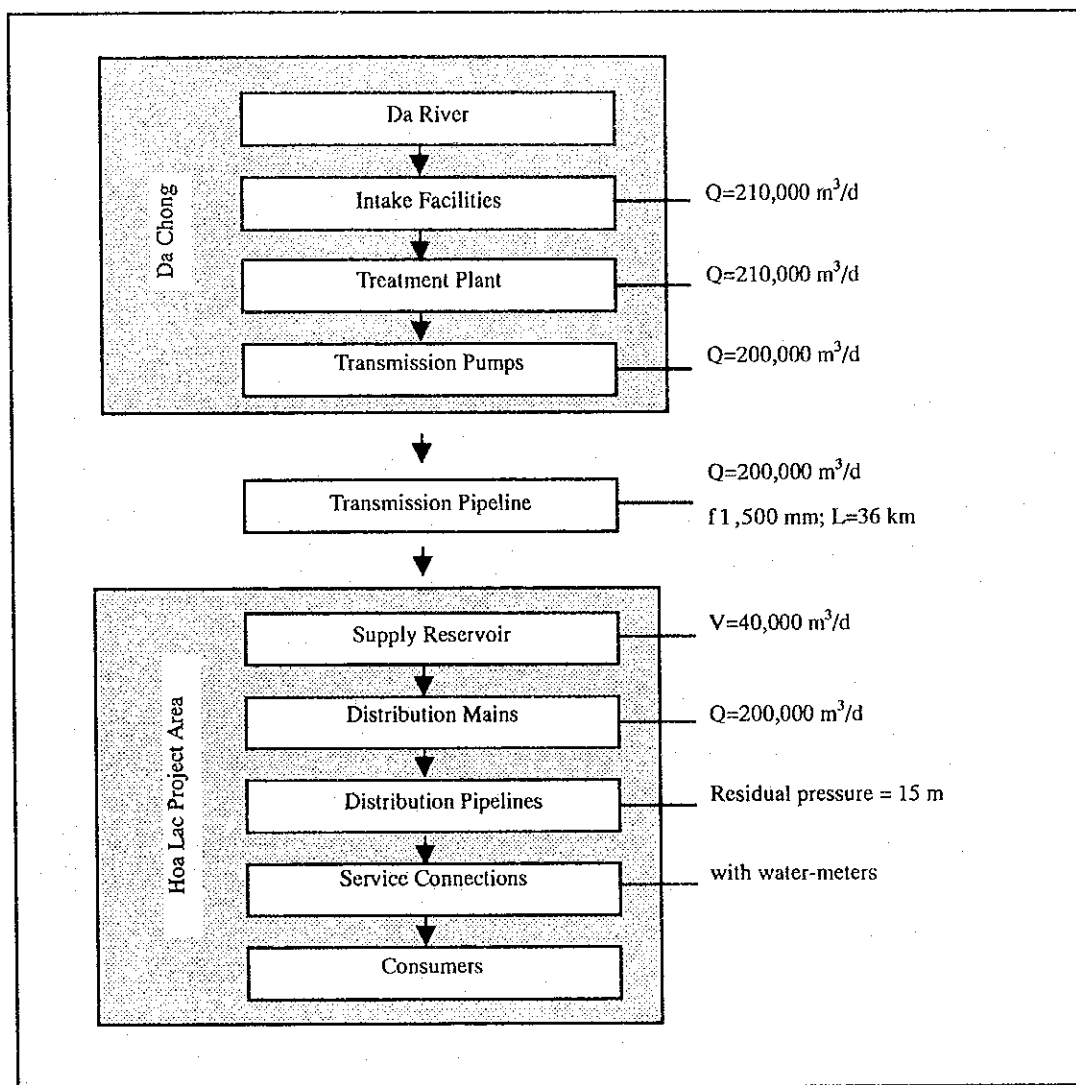
Nước không tính đến gồm có nước rò rỉ lý học, mất do quản lý, v.v.. tạm thời đặt ra ở mức 15% công suất cấp nước hàng ngày.

### **(7) Khu vực dịch vụ**

Khu vực được cấp nước từ hệ thống cấp nước là Hoà Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn; trừ thị xã Sơn Tây vì thị xã đã có hệ thống cấp nước công cộng như hiện nay và địa phương đã có chương trình mở rộng lấy nước ngầm đưa vào sử dụng trong tương lai.

6.3.10 Hệ thống cấp nước

Quy hoạch định hướng hệ thống cấp nước cho khu vực dự án Hoà Lạc có thể hình thành và được minh hoạ trong hình 6.3.5.



Hình 6.3.5 Quy hoạch định hướng hệ thống cấp nước

6.4 Quy hoạch định hướng cho Hệ thống thoát nước

Hệ thống thoát nước nước thải và hệ thống thoát nước mưa sẽ được xây dựng tách rời nhau trong khu vực dự án.

## Phát triển Hành lang 21

### 6.4.1 Tình hình chung

Tất cả nước thải dân dụng sẽ đều được xử lý tại nhà máy xử lý nước thải. Trước hết, nước thải từ các hộ gia đình được thải vào các ống gom nước thải được xây dựng nằm dưới các đường công cộng. Sau đó, nước thải được gom hút về nhà máy xử lý nước thải được đặt ở khu vực nền đất thấp.

Đối với nước thải công nghiệp và các chất nguy hiểm và độc hại, các nhà máy hoặc xí nghiệp cần có các cơ sở riêng để xử lý hay xử lý cơ bản ban đầu trước khi thải nước thải vào các đường dẫn nước công cộng. Có thể không cho phép việc thải nước trực tiếp từ các nhà máy mà không qua xử lý.

### 6.4.2 Nhà máy xử lý nước thải

Vị trí của nhà máy xử lý nước thải sẽ được quyết định khi xem xét để các yếu tố sau:

- (a) Gần với khu vực phát triển
- (b) Gần sông mà từ đó, nước đã được xử lý được thải ra
- (c) Dễ trưng thu đất
- (d) ít bị ngập lụt

Về quy mô của nhà máy, nhà máy có quy mô lớn sẽ lợi thế hơn là quy mô nhỏ xét trên quan điểm kinh tế (cả hai chi phí xây dựng và chi phí bảo dưỡng trên mỗi đơn vị ( $m^3/ngày$ ) là rẻ hơn trong trường hợp quy mô lớn) và trên quan điểm vận hành và bảo dưỡng (sự đa dạng và biến đổi của chất lượng nước và lưu lượng dòng chảy là ít trong trường hợp nhà máy quy mô lớn do vậy vận hành dễ dàng). Tuy nhiên, quy mô lớn sẽ làm nổi lên một số vấn đề như chia giai đoạn phát triển của thành phố mới, trật tự không gian phát triển, tiêu chuẩn xây dựng san lấp đất v.v.

Phương pháp xử lý sẽ là: i) Cống ôxi hoá hoặc ii) Phân huỷ tự nhiên trong thời gian dài, hoặc iii) Phương pháp mùn dư hoạt tính, các phương pháp này sẽ đáp ứng tiêu chuẩn chuyên biệt về nước thải. (xem Bảng 6.4.1). Vị trí và số lượng các nhà máy xử lý nước thải cũng như phương pháp xử lý sẽ được nghiên cứu và quyết định trong nghiên cứu Quy hoạch tổng thể.

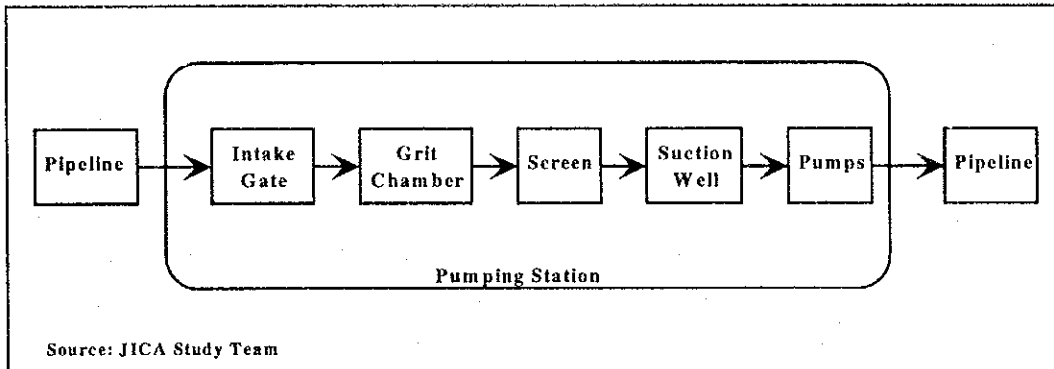
Cuối cùng, nước đã được xử lý sẽ được thải ra sông Tích ở phía đông của khu vực dự án chạy theo hướng bắc nam. Sông Tích là dòng sông duy nhất ở bên trong chạy vòng quanh khu vực dự án và đổ ra biển.

### 6.4.3 Trạm bơm

Trong trường hợp các đường dẫn nước thải phải được xây dựng sâu dưới lòng đất 10

hoặc hơn 10m, cần xây dựng một hay nhiều trạm bơm có tính đến chi phí xây dựng và thuận tiện trong bảo dưỡng.

Quá trình chảy của trạm bơm được trình bày trong Hình 6.4.1.



Hình 6.4.1 Trạm bơm

#### 6.4.4 Tiêu chuẩn quy hoạch

Để dự kiến các cơ sở thoát nước cho thành phố mới, cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

(a) Yếu tố ngày cao điểm

Yếu tố ngày cao điểm được sử dụng để định ra quy mô của nhà máy nước thải là 1.35 (135%).

(b) Yếu tố giờ cao điểm

Yếu tố giờ cao điểm được sử dụng để xác định đường kính của ống dẫn và định ra quy mô của trạm bơm là 1.40 (140%).

(c) Công suất đường dẫn

Cộng thêm 100% phụ thêm vào giờ cao điểm.

(d) Tính toán thủy văn

Tính toán thủy văn về đường dẫn sẽ theo công thức Manning. Độ nhám đặt ra là  $n=0.013$  đối với ống bê tông cốt thép và  $n=0.010$  đối với ống nhựa.

(e) Độ sâu của ống

Độ sâu tối thiểu của ống sẽ vào khoảng 1.2m tính từ mặt đường.



## Phát triển Hành lang 21

(f) Kích cỡ ống

Bán kính tối thiểu của ống là 200mm, tính cho ống được bảo dưỡng.

(g) Tốc độ trong ống dẫn

Tốc độ trong ống dẫn tối thiểu là 0.6m/giây và tối đa là 3.0m/giây

(h) Miệng cống

Miệng cống được bảo dưỡng sẽ được xây dựng ở những điểm bắt đầu, các điểm có độ dốc thay đổi, điểm có đường kính thay đổi, điểm nối của một vài đường ống dẫn, v.v. Thậm chí trên đường ống thẳng trực tiếp thì các miệng cống cũng được đặt rời nhau ở khoảng cách tối đa là 100m.

**Bảng 6.4.1 So sánh các phương pháp xử lý nước thải**

	Activated Sludge Method	Long-Term Aeration Process	Oxidation Ditch Process
Flow Diagram			
Merit	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Smaller land area than other methods</li> <li>- Better efficiency of sludge sedimentation</li> <li>- Manifold operation</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Operative for fluctuation of load</li> <li>- Smaller volume of sludge generated</li> <li>- No necessity of primary sedimentation</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Operative for fluctuation of load</li> <li>- Smaller volume of sludge generated</li> <li>- No necessity of primary sedimentation tanks</li> <li>- Easy operation</li> </ul>
Demerit	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Requiring skillful and complicated operation</li> <li>- Difficult operation for fluctuation of load</li> <li>- Large volume of sludge generated</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Requiring bigger power consumption</li> <li>- Large land area</li> <li>- Lower efficiency of sludge sedimentation</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Requiring large land area</li> <li>- Lower efficiency of sludge sedimentation</li> </ul>

## 6.5 Quy hoạch Định hướng hệ thống điện

### 6.5.1 Dự báo nhu cầu về điện

Tổng nhu cầu về điện để phát triển chuỗi đô thị Xuân Mai-Hoà Lạc được dự đoán như sau.

Tổng nhu cầu tối đa về điện vào năm 2005, 2010 và 2020 được dự đoán qua mối quan hệ giữa tiêu dùng điện trên đầu người với tỉ lệ tăng dân số hàng năm và giữa khu vực công nghiệp với nhu cầu về điện (Bảng 6.5.1).

**Bảng 6.5.1 Dự báo tổng nhu cầu tối đa về điện**

	Dân số (1000)			Nhu cầu điện tối đa (MW)		
	2005	2010	2020	2005	2010	2020
Sơn Tây	50	60	90	11.3	17	34
Hoà Lạc	40	145	400	31	168	290
Xuân Mai	45	55	100	36	44	72
Miếu Mòn	1.5	2	4	1	1.5	3
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.5</b>	<b>262</b>	<b>594</b>	<b>79.3</b>	<b>230.5</b>	<b>399</b>

Hình 5.6.1 biểu thị bản đồ dự kiến đường điện 220KV bao gồm trạm biến áp 220kV Xuân Mai và Hoà Lạc.

### 6.5.2 Công suất trạm phân phối điện

#### (1) Trạm Sơn Tây

Hiện tại, công suất của trạm 110kV Sơn Tây hiện có là 32MVA (16MVA~2 đơn vị). Bộ XD đã có kế hoạch tăng công suất lên 80MVA (40MVAA~2 đơn vị) đến năm 2000; công việc này đang được tiến hành theo chương trình. Nếu công việc này tiếp tục theo lịch trình, công suất của trạm có thể đáp ứng cầu về điện của khu vực Sơn Tây đến năm 2020.

#### (2) Trạm Xuân Mai và Hoà Lạc

Bộ XD đã thiết kế và đề nghị xây dựng hai trạm 220/110kV của Xuân Mai (125MVAA~2 đơn vị) và Hoà Lạc (250MVAA~2 đơn vị). Trạm 220/110kV Xuân Mai được dự kiến sẽ có đủ công suất để đáp ứng nhu cầu cho khu vực Hoà Lạc, Xuân Mai và Miếu Mòn đến năm 2010. Nếu quy hoạch phát triển toàn bộ khu vực Xuân Mai và Miếu Hoà Lạc được thực hiện đúng như đã định, một trạm khác (trạm 220/110kV Hoà Lạc) sẽ được đề xuất xây dựng tại khu vực Hoà Lạc trước năm 2010.

Do vậy, công suất của các trạm mới Xuân Mai và Hoà Lạc sẽ đủ để cung cấp điện cho cả 3 khu vực vào năm 2020.

### 6.5.3 Công suất đường dây tải điện 110kV và 220kV

#### (1) Đường điện 110kV

Công suất của đường dẫn điện 110kV hiện có nối giữa trạm biến áp Sơn Tây và Hà Đông là khoảng 40MW được truyền tải trên đường dây ACSR 120mm<sup>2</sup>

## **Phát triển Hành lang 21**

hiện tại. Do đó, tuyến đường sẽ có khả năng cung cấp điện cho các nhu cầu tiêu thụ điện (khoảng 34MW) đến năm 2020.

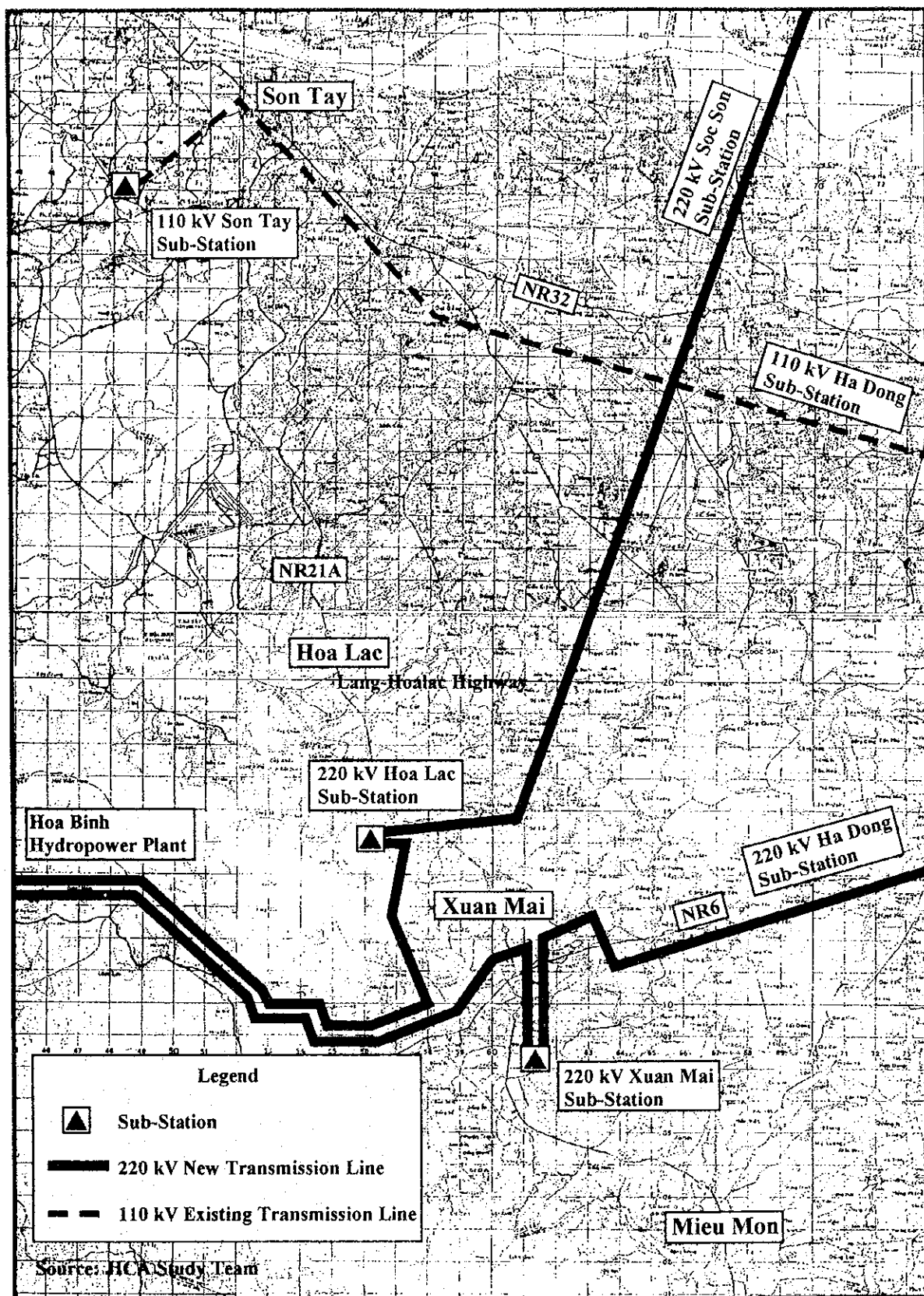
### **(2) Đường mạch vòng 220kV**

Bộ XD cũng đề nghị xây dựng hai tuyến dây dẫn 220kV như sau:

Tuyến thứ nhất: tuyến Hoà Bình-Xuân Mai-Hà Đông (mạch đơn, đường dây ACSR 500mm<sup>2</sup>)

Tuyến thứ hai: tuyến Hoà Bình-Hoà Lạc-Sóc Sơn (mạch đơn, đường dây ACSR 500mm<sup>2</sup>).

Công suất mỗi đường dây nói trên được tính toán là vào khoảng 300MW (150MW từ nhà máy thủy điện Hoà Bình và cũng 150MW từ trạm Hà Đông hay Sóc Sơn). Do vậy, công suất của hai trạm 220kV tổng cộng là 600MW và như vậy đủ để cung cấp cho nhu cầu điện tối đa (365MW) của khu vực Xuân Mai, Hoà Lạc và Miếu Môn đến năm 2020.



Hình 6.5.1 Bản đồ tuyến của đường dây tải điện 220kV/110kV

## 6.6 Quy hoạch định hướng cơ sở hạ tầng viễn thông

### 6.6.1 Dự báo nhu cầu

Dự đoán nhu cầu điện thoại của 4 khu vực Sơn Tây, Hoà Lạc, Xuân Mai và Miếu Môn đã được thực hiện trong Quy hoạch tổng thể và Nghiên cứu khả thi của KCNC Hoà Lạc vào năm 1998. Theo bản báo cáo, nhu cầu điện thoại được dự đoán trong Bảng 6.6.1.

**Bảng 6.6.1 Dự báo nhu cầu điện thoại**

	Nhu cầu điện thoại (đường điện thoại)		
	Ngắn hạn 2005	Trung hạn 2010	Dài hạn 2020
Sơn Tây	12,000	20,000	40,000
Hoà Lạc	31,900	132,000	254,400
Xuân Mai	12,000	25,000	68,000
Miếu Môn	3,000	7,500	24,000
Tổng số	58,900	184,500	386,400

Nguồn; Nghiên cứu của JICA về dự án KCNC Hoà Lạc

Dự đoán nhu cầu tính theo số điện thoại được chỉ tra trong phần tham khảo, cần thiết phải tính nhu cầu về đường dây trong nhiên cứu sau này dựa theo dự báo nhu cầu dân số và số lượng nhà cửa trong quy hoạch này.

Trong khu vực nghiên cứu, các cơ sở vật chất viễn thông chắc chắn sẽ phải đáp ứng được nhu cầu, cung cấp cho người sử dụng các dịch vụ cao cấp. Điều này dẫn đến một quy hoạch định hướng được trình bày sau đây.

### 6.6.2 Quy hoạch định hướng

#### (1) Khái niệm cơ bản

Thành phố Hà Nội và khu vực nghiên cứu có thể có vài điểm tương phản nhau về viễn thông. Công nghệ hữu tuyến mới chỉ được mở rộng ra trên hình mẫu công nghiệp cũ kỹ mà ở đó kinh tế cơ sở hạ tầng dẫn đến tình trạng quá đông, quá tải, tắc nghẽn đô thị và chính là tình trạng hiện nay của thành phố Hà Nội. Hệ thống viễn thông ở Sơn Tây, Hoà Lạc, Xuân mai và Miếu Môn cần giúp con người lựa chọn nơi sinh sống và làm việc dựa trên cơ sở suy xét đến gia đình, cộng đồng, chất lượng cuộc sống nhiều hơn là tính tiếp cận với cơ sở hạ tầng.

#### (2) Quy hoạch mạng lưới

Hình 6.6.1 chỉ ra quy hoạch định hướng viễn thông trong đó bốn khu vực cần có mối liên kết hữu cơ bằng đường dây cáp quang nối với thành phố Hà Nội.

Nó được gọi là vòng cáp Hoà Lạc Xuân Mai có thể góp phần vào giá trị gia tăng thông tin thông qua ISDN (mạng lưới dịch vụ toàn bộ số hoá). Đặc điểm về thông tin dữ liệu tốc độ cao và công suất đường dây lớn sẽ tạo điều kiện cung cấp một môi trường sống và làm việc tốt hơn cho người dân sống trong Khu vực.

(a) Dành cho kinh doanh

Có thể tiếp cận với giới kinh doanh thông qua âm thanh, hình ảnh và dữ liệu qua mạng lưới. Điều này sẽ giúp các hoạt động thương mại và công nghiệp tại khu vực trở nên nhanh nhẹn hơn.

(b) Dành cho sinh hoạt

Có thể có hai đường thông tin, có nghĩa là người dân có thể chuyển thông tin ra thế giới cũng như nhận thông tin vào.

Ngoài mạng lưới cáp quang, cần có hệ thống liên lạc vô tuyến địa phương. Nó có thể phân phát viễn thông đến người dân và cũng có thể được sử dụng như điện thoại cố định. Có hai lợi thế đối với hệ thống phi tuyến địa phương. Thứ nhất là chi phí. Rất nhiều cơ sở vật chất cần thiết đối với hệ thống tiếp cận liên lạc hữu tuyến được tiêu biểu thiết kế và sử dụng rộng rãi từ 20-30 năm trước. Kết quả là chi phí xây dựng mạng lưới như vậy có thể là cao khi mà không có cơ sở hạ tầng nào còn tồn tại.

Với mạng lưới “đường liên lạc vô tuyến cố định” nhằm mục đích tiếp cận nhiều hơn là linh hoạt, nhà cung cấp có thể cung cấp dịch vụ bao trùm lên một khu vực rộng với các trạm cơ sở và một đơn vị chuyển đổi và kiểm tra duy nhất- đầu tư ít hơn. Sau đó người thuê bao điện thoại có thể nối với hệ thống trung tâm bằng cách sử dụng máy điện thoại, điện thoại công cộng phi tuyến hoặc tổng đài của một khu nhà và liên lạc hữu tuyến với các máy điện thoại. Khi số lượng thuê bao tăng lên, nhà cung cấp dịch vụ có thể thêm một cách dễ dàng các trạm cơ sở để chia khu vực mạng lưới đảm nhận thành những phần nhỏ hơn.

Lợi ích thứ hai là thời gian. Mạng lưới phi tuyến có thể được thiết lập trong một vài tháng trong khi cần một vài năm để thiết lập xong mạng hữu tuyến.

## **Phát triển Hành lang 21**

### **(3) Đánh giá mạng lưới viễn thông**

#### **1) Kinh tế**

Chi phí đặt cho mạng lưới phi tuyến có thể ít hơn.

#### **2) Tính tin cậy**

Mạng số có thể đảm bảo tính tin cậy cao hơn.

#### **3) Khả năng phục vụ**

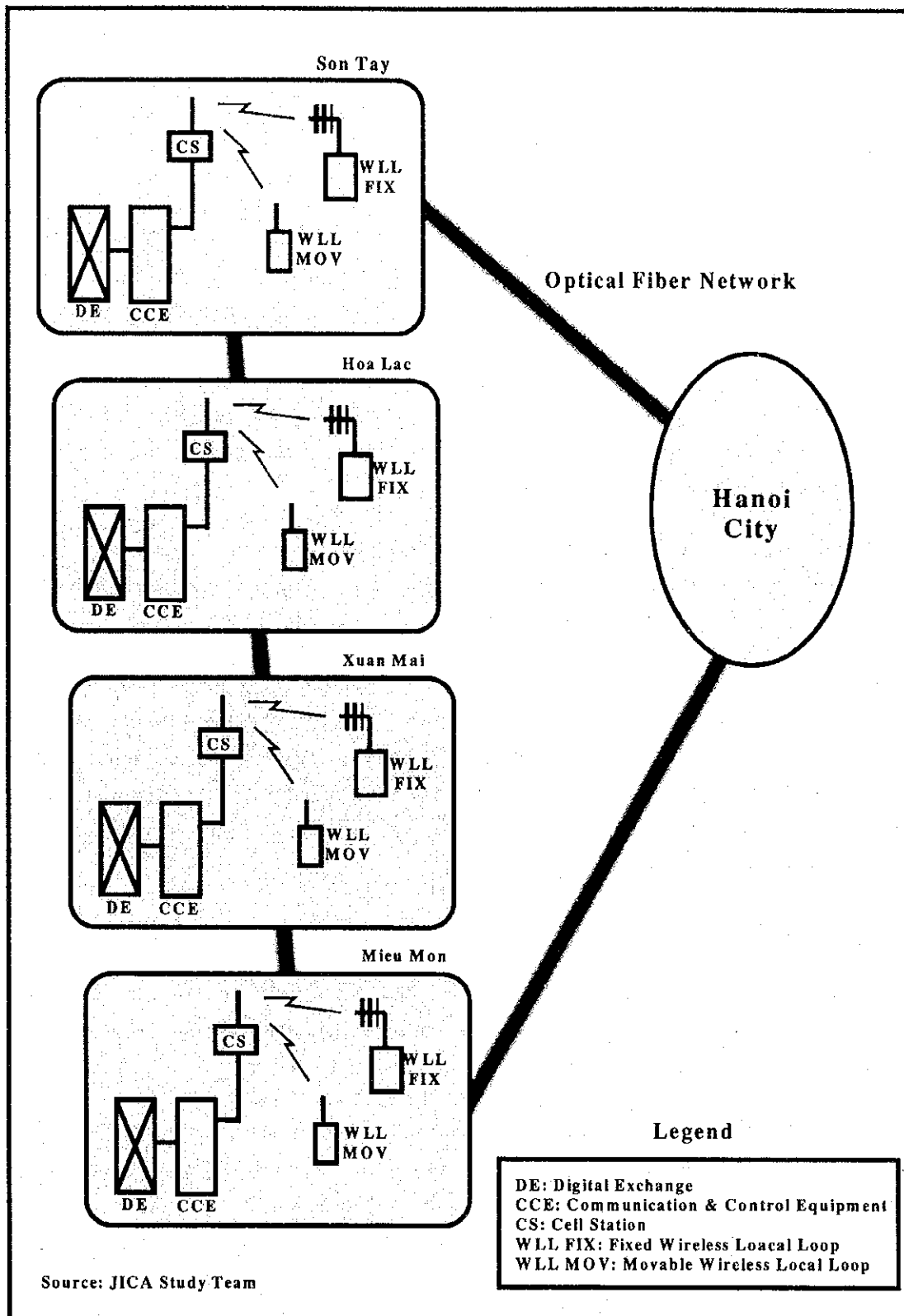
Hệ thống này có thể cung cấp cho người sử dụng một vài giá trị gia tăng về dịch vụ đối với các trường hợp như liên lạc bằng máy vi tính, giáo dục từ xa, chăm sóc sức khỏe từ xa.

#### **4) Khả năng mở rộng**

Mạng lưới có thể được mở rộng một cách dễ dàng theo dân số và nhu cầu đang tăng lên.

#### **5) Khía cạnh môi trường**

Ảnh hưởng của lĩnh vực điện tử-từ tính gây ra đối với con người thông qua các thiết bị viễn thông phi tuyến còn chưa được xác định rõ. Có thể có một vài nguy cơ còn chưa được biết đến đối với sức khỏe con người.



Hình 6.6.1 Quy hoạch định hướng viễn thông



## **Phát triển Hành lang 21**

### **6.7 Quy hoạch định hướng của hệ thống thoát nước và đổ rác thải**

Hệ thống thoát nước thải và nước mưa sẽ được xây dựng riêng rẽ với nhau trong khu vực dự án. Khu bãi thải vệ sinh sẽ được lựa chọn bên ngoài khu vực dự án để để các chất thải rắn được thải ra từ khu vực dự án.

#### **6.7.1 Hệ thống thoát nước**

Trong khu vực dự án, nước mưa sẽ được gom đến mạng đường ống thoát nước được thiết lập và xây dựng dưới nền đường và riêng biệt với mạng đường ống thoát nước thải.

Nước mưa sẽ được thu gom từ qua mạng lưới đường ống nước mưa được đặt và xây dựng dưới các đường công cộng tách rời với mạng lưới đường ống nước thải trên toàn bộ khu vực dự án.

Nước mưa được thu gom sẽ được dẫn qua các đường dẫn nước mưa đến các trạm bơm nước mưa được xây dựng ở vị trí gần với sông. Các máy bơm sẽ được vận hành khi mức nước sông lên cao hơn mực nước của trạm bơm.

Mặt khác, các hồ giữ nước dự trữ lượng nước vừa đủ sẽ được xây dựng để không làm tăng dòng chảy cao điểm tại hạ nguồn của dòng nước thải trong cùng thời điểm khi có mưa to. Các hồ giữ nước sẽ được xây dựng trên các khu vực nước hiện có như các hồ, ao nhỏ và các hồ được xây dựng từ ngăn đập mới ở độ cao 1-2m hơn khu vực mặt nước hiện tại. Vị trí và số lượng của các trạm bơm nước mưa và hồ giữ nước sẽ được đề cập trong nghiên cứu Quy hoạch tổng thể.

#### **6.7.2 Chất thải rắn**

Nhìn chung, chất thải rắn được phân ra làm hai loại: đó là i) chất thải đô thị được thải ra từ các hoạt động sống hàng ngày của con người, và ii) chất thải công nghiệp được thải ra từ các hoạt động công nghiệp.

Đối với chất thải đô thị, chúng được dự kiến được thu gom, vận chuyển và đổ đi qua các công ty trung ương/địa phương hoặc các công ty liên doanh liên kết nhà nước được các công ty này giao cho. Phương án đổ chất thải thành phố sẽ là chôn lấp vệ sinh và một vài chất thải nguy hiểm như chất thải bệnh viện sẽ được xử lý bằng thiêu huỷ. Bãi rác thải sẽ do chính phủ hoặc chính quyền địa phương lựa chọn có xem xét đến khoảng cách đến bãi rác thải và đến các điều kiện môi trường xung quanh bên ngoài khu vực dự án.

Đối với chất thải công nghiệp, cơ quan hành chính hay công ty được giao sẽ có trách

## **Phát triển Hành lang 21**

nhiệm gom rác, vận chuyển rác và đổ rác. Rác thải sau khi được các nhà máy thải ra sẽ được giao cho cơ quan hay công ty này xử lý và một khoản lệ phí sẽ được đưa ra đối với người thải rác. Các cơ sở vật chất xử lý rác sẽ được xây dựng bởi toàn bộ hay một công ty này.















